

PHỤ LỤC 3.1
TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ CHO NGƯỜI DẠY NĂM 2024

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Kinh phí đã sử dụng		Số thanh tra		Chênh lệch	
		Số tiền	Số tiết	Số tiền	Số tiết	Số tiền	Số tiết
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=5-3</i>	<i>8=6-4</i>
	NĂM 2023	15.860.000	244	15.860.000	244		
1	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao chất lượng HSDTTS	15.860.000	244	15.860.000	244		
	1.1 Số tiết dạy THCS						
	1.2. Số tiết dạy THPT	15.860.000	244		244		
2	Kinh phí thanh toán tiền thừa giờ (do thiếu giáo viên)						
3	Kinh phí hỗ trợ GNVN các ngày lễ			-		-	-
	NĂM 2024	74.035.000	74.035.000	74.035.000	1.139	-	-
1	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao chất lượng HSDTTS	74.035.000	1.139	74.035.000	1.139		
	1.1 Số tiết dạy THCS	-				-	-
	1.2. Số tiết dạy THPT	74.035.000	1.139	74.035.000	1.139		
2	Kinh phí thanh toán tiền thừa giờ	-	-	-	-	-	-
3	Kinh phí hỗ trợ GNVN các ngày lễ			-		-	-

[illegible]

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC NĂM 2023

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Kinh phí đã sử dụng		Số thanh tra		Chênh lệch		Ghi chú
		Số tiền	Số học sinh	Số tiền	Số học sinh	Số tiền	Số học sinh	
1	2	3	4	5	6	7=5-3	8=6-4	
	TỔNG CỘNG	117.667.200		117.667.200		-	-	
	Năm 2023							
1	Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính phủ					-	-	
	+ Tiền ăn					-	-	
	+ Tiền nhà ở					-	-	
	+ Dụng cụ, tủ thuốc					-	-	
	+ Hỗ trợ phục vụ việc nấu ăn					-	-	
	+ Hỗ trợ gạo (kg)					-	-	
2	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	83.550.000	73	83.550.000	73			
3	Chính sách hỗ trợ cấp bù miễn, giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	34.117.200	104	34.117.200	104			
4	Kinh phí thực hiện chính sách cho học sinh và giáo viên theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP							
5	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ CPHT cho HS DTTS rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP							
6	Kinh phí thực hiện chính sách đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGD&ĐT-BTC							
7	Học bổng nội trú theo TT109							
8	Đề án nâng cao chất lượng HSDTTS							
9	Kinh phí chi trả theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg							
10	Kinh phí chi trả chính sách theo QĐ 53/2015/QĐ-TTg	-	-	-	-	-	-	
	Năm 2024	190.157.200		190.157.200				
1	Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính phủ					-	-	
	+ Tiền ăn					-	-	
	+ Tiền nhà ở					-	-	
	+ Dụng cụ, tủ thuốc					-	-	
	+ Hỗ trợ phục vụ việc nấu ăn					-	-	
	+ Hỗ trợ gạo (kg)					-	-	

2	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	142.650.000	142	142.650.000	142			
3	Chính sách hỗ trợ cấp bù miễn, giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	47.507.200	184	47.507.200	184			
4	Kinh phí thực hiện chính sách cho học sinh và giáo viên theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP							
5	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ CPHT cho HS DTTS rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP							
6	Kinh phí thực hiện chính sách đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGD&ĐT-BTC							
7	Học bổng nội trú theo TT109							
8	Đề án nâng cao chất lượng HSDTTS							
9	Kinh phí chi trả theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg							
10	Kinh phí chi trả chính sách theo QĐ 53/2015/QĐ-TTg	-	-	-	-	-	-	-

